

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2018/HNGĐ-ST

Ngày 10-7-2018

“ V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mâm

Ông Nguyễn Văn Hành

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp BK, xã LTT, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Chung Văn T, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BK, xã LTT, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2018 nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông T sống chung vào năm 1980, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, ông T thường hay chửi bà. Gia đình hai bên có hàn gắn, khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả, bà và ông T đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có các con chung là Chung Thị T, sinh năm 1982; Chung Văn N, sinh năm 1986; Chung Văn Đ, sinh năm 1989; Chung Văn K, sinh năm 1990. Hiện tất cả các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa bà Lê Thị Đ và ông Chung Văn T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Chung Văn T có địa chỉ cư trú tại ấp BK, xã LTT, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Đ và ông Chung Văn T sống chung với nhau vào năm 1980, nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì đây là hôn nhân thực tế, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì bà Lê Thị Đ có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của bà Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước tiến hành thủ tục hòa giải theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, ông Chung Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập ông T hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà Đ và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông T thường hay chửi bà. Ông T không có ý kiến gì đối với việc bà Đ xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của bà Đ và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà Đ được ly hôn với ông T là phù hợp.

Về nuôi dưỡng con chung: Bà và ông T có các con chung là Chung Thị T, sinh năm 1982; Chung Văn N, sinh năm 1986; Chung Văn Đ, sinh năm 1989; Chung Văn K, sinh năm 1990. Hiện tất cả các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Đ xác định không có nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà Đ xác định không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Buộc bà Đ phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị Đ được ly hôn với ông Chung Văn T.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Đ phải chịu án phí là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004325 ngày 04.4.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, bà Đ đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Lê Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Chung Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Lương Thế Trân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Kỳ